

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 35/2023/QĐ-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 1643/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc ủy quyền Ban Quản lý các Khu công nghiệp thực hiện thẩm định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư trong các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 80/QĐ-KCNĐN ngày 21 tháng 3 năm 2023 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp về việc thành lập Tổ thẩm định cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Sản xuất các loại dây và cáp điện cao thế, trung thế, hạ thế, cáp quang, cáp viễn thông; sản xuất vật liệu sử dụng cho sản xuất các sản phẩm dây và cáp điện, cáp quang, cáp viễn thông với quy mô 16.000 tấn sản phẩm/năm” của Công ty TNHH Cáp Taihan Vina tại đường số 8, khu công nghiệp Long Thành, xã Tam An, tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ văn bản số 1104/KCNĐN-MT ngày 04 tháng 4 năm 2023 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp về việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của Công ty TNHH Cáp Taihan Vina; Văn bản số 4180/KCNĐN-MT ngày 19 tháng 10 năm 2023 về việc tiếp tục hoàn thiện nội dung đề nghị cấp giấy phép môi trường sau thẩm định;

Xét đề nghị của Công ty TNHH Cáp Taihan Vina tại văn bản số 241130/CV-TH ngày 30 tháng 11 năm 2024 về việc giải trình, bổ sung hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Sản xuất các loại dây và cáp điện cao thế, trung thế, hạ thế, cáp quang, cáp viễn thông,; sản xuất vật liệu sử dụng cho sản xuất các sản phẩm dây và cáp điện, cáp quang, cáp viễn thông với quy mô 16.000 tấn sản phẩm/năm” tại đường số 8, khu công nghiệp Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường - Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Cáp Taihan Vina (Sau đây gọi tắt là Chủ cơ sở) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Sản xuất các loại dây và cáp điện cao thế, trung thế, hạ thế, cáp quang, cáp viễn thông; sản xuất vật liệu sử dụng cho sản xuất các sản phẩm dây và cáp điện, cáp quang, cáp viễn thông với quy mô 16.000 tấn sản phẩm/năm” tại đường số 8, khu công nghiệp Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Sản xuất các loại dây và cáp điện cao thế, trung thế, hạ thế, cáp quang, cáp viễn thông; sản xuất vật liệu sử dụng cho sản xuất các sản phẩm dây và cáp điện, cáp quang, cáp viễn thông với quy mô 16.000 tấn sản phẩm/năm.

1.2. Địa điểm hoạt động: Đường số 8, khu công nghiệp Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp - Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, Mã số doanh nghiệp: 3600777040 đăng ký lần đầu ngày 15 tháng 12 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 18 tháng 01 năm 2024 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Mã số dự án: 2135117144 chứng nhận lần đầu ngày 15 tháng 12 năm 2005 chứng nhận thay đổi lần thứ tám ngày 11 tháng 3 năm 2024 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai cấp.

1.4. Mã số thuế: 3600777040.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất các loại dây và cáp điện cao thế, trung thế, hạ thế, cáp quang, cáp viễn thông; sản xuất vật liệu sử dụng cho sản xuất các sản phẩm dây và cáp điện, cáp quang, cáp viễn thông.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án nhóm I theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

- Phạm vi: Tổng diện tích đất: 150.000 m².

- Quy mô: Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định pháp luật về đầu tư công).

- Công suất: Sản xuất các loại dây và cáp điện cao thế, trung thế, hạ thế, cáp quang, cáp viễn thông; sản xuất vật liệu sử dụng cho sản xuất các sản phẩm dây và cáp điện, cáp quang, cáp viễn thông với tổng công suất 16.000 tấn sản phẩm/năm.

- Tóm tắt quy trình công nghệ sản xuất:

+ Sản xuất cáp cao - trung - hạ thế: Tấm đồng → Đúc cán đồng Ø 8 → Dây đồng (1).

(1) Dây đồng hoặc dây nhôm (nhập từ đơn vị cung cấp) → Ủ và kéo sợi →

Xoắn và ép chặt → *Bọc nhựa 1-3 lớp* → *Bọc màng kim loại (đối với cáp cao thế) hoặc ghép nhóm (Cáp trung-hạ thế)* → *Điền đầy* → *In phun* → *Cuốn bobin/bọc phân cách* → *Lưu kho thành phẩm.*

+ *Sản xuất cáp điện ACSR (gia công ngoài): Gia công bên ngoài* → *Nhập kho thành phẩm* → *Xuất kho.*

+ *Sản xuất cáp viễn thông: Tầm đồng* → *Đúc cán đồng Ø 8* → *Cán, ủ, kéo nhỏ* → *Bọc nhựa* → *Ghép nhóm* → *Điền đầy* → *In phun* → *Cuốn bobin, bọc bảo vệ* → *Lưu kho thành phẩm.*

+ *Sản xuất cáp quang:*

Sợi cáp quang → *Lồng trong ống nhôm (2);*

Dây thép → *Bọc nhôm* → *Cán, kéo sợi nhỏ (3);*

(2)+(3) → *Xoắn cáp* → *Cuốn bobin* → *Bọc vỏ PVC/HDPE* → *Bao gói thành phẩm.*

+ *Sản xuất vật liệu sử dụng cho sản xuất các sản phẩm dây và cáp điện, cáp quang, cáp viễn thông (Dây đồng): Tầm đồng* → *Đúc cán đồng Ø 8* → *Bao gói thành phẩm* → *Lưu kho thành phẩm.*

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Thực hiện yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Thực hiện yêu cầu khác về bảo vệ môi trường tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Chủ Cơ sở:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 7 năm (từ ngày tháng năm 2024 đến ngày tháng năm 2031).

Điều 4. Giao Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường - Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và môi trường (để báo cáo);
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Long Thành;
- Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành;
- Chủ cơ sở (thực hiện);
- Trung tâm Phục vụ HCC Tỉnh;
- Website Ban Quản lý các Khu công nghiệp;
- Lưu: VT, MT (Tuyet).

TRƯỞNG BAN

Nguyễn Trí Phương

PHỤ LỤC 1

YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI (Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMТ-KCNĐN ngày tháng năm 2024 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nước thải phát sinh từ cơ sở được thu gom, xử lý cục bộ đạt giới hạn tiếp nhận trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Long Thành, không xả trực tiếp ra môi trường.

- Chủ cơ sở tiếp tục thực hiện đầu nối và xử lý nước thải phát sinh đảm bảo đạt giới hạn tiếp nhận của Khu công nghiệp Long Thành theo Hợp đồng xử lý nước thải số 07/HĐNT/SZL/KD-TT ngày 01 tháng 3 năm 2011 đã ký giữa Công ty Cổ phần Sonadezi Long thành, Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi (đơn vị vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Long Thành) và Chủ cơ sở.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom nước mưa, nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh khu vực văn phòng được xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn → Đường ống PVC D168, D200 và D250 và các hố ga → Đầu nối vào hệ thống thu gom và xử lý nước thải của khu công nghiệp Long Thành tại 01 hố ga đầu nối trên đường số 8.

- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh khu vực nhà xưởng đúc đồng, bể tự hoại xưởng cấp điện và bể tự hoại xưởng cấp viễn thông → PVC D168, D200 và D250 và các hố ga → Đầu nối vào hệ thống thu gom và xử lý nước thải của khu công nghiệp Long Thành tại 01 hố ga đầu nối trên đường số 3.

- Nguồn số 03: Nước nhiễm dầu làm mát phát sinh từ công đoạn đúc cán đồng được thu gom vào các thùng chứa dung tích 1.000 lít (thu gom, xử lý theo dạng chất thải nguy hại).

- Tọa độ điểm đầu nối nước thải sinh hoạt của cơ sở (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục $107^{\circ}45'$, múi chiếu 3°).

+ Vị trí đầu nối trên đường số 08: X= 1196150; Y= 408408;

+ Vị trí đầu nối trên đường số 03: X= 1196466; Y= 408557;

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Bể tự hoại: 04 bể.

- Tóm tắt quy trình xử lý: Nước thải sinh hoạt → Bể tự hoại → Hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Long Thành.

- Tổng thể tích thiết kế: 04 bể tự hoại tổng thể tích $32,4 \text{ m}^3$ (01 Bể tự hoại khu vực văn phòng thể tích $8,1 \text{ m}^3$; 01 bể tự hoại nhà xưởng cấp viễn thông thể tích $8,1 \text{ m}^3$; 01 bể tự hoại xưởng đúc đồng thể tích $8,1 \text{ m}^3$; 01 bể tự hoại xưởng

cáp điện thể tích 8,1 m³).

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra đường ống, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

- Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình vận hành đã xây dựng.

- Thường xuyên theo dõi hoạt động của bê tự hoại; đảm bảo không có bất kỳ công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước; nạo vét hệ thống cống rãnh định kỳ để tăng khả năng thoát nước; hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, hút hầm cầu định kỳ và mang đi xử lý đúng quy định.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm theo quy định.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn tiếp nhận nước thải của KCN Long Thành theo hợp đồng giữa Chủ cơ sở và đơn vị kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Long Thành, không xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Công khai, minh bạch các đường ống thu gom, thoát nước thải; đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa tách riêng triệt để với hệ thống thu gom nước thải theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3.3. Vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành cơ sở. Nghiêm cấm việc xả nước thải vào hệ thống thoát nước mưa.

3.4. Chủ cơ sở chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đấu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Long Thành để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra môi trường.

PHỤ LỤC 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-KCNĐN ngày tháng năm 2024
của Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với khí thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường 2020 (do hoạt động của cơ sở không phát sinh khí thải tại nguồn, không phát sinh bụi, khí thải xả ra môi trường).

B. YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

- Trường hợp phát sinh bụi và khí thải, chủ cơ sở phải thực hiện các biện pháp xử lý nhằm đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường. Toàn bộ khí thải và bụi phát sinh trong quá trình hoạt động của cơ sở (nếu có) phải được xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ theo QCVN 19:2009/BTNMT (cột B với $K_v = 1,0$ và K_p theo tổng lưu lượng nguồn thải của cơ sở), Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ theo QCVN 20:2009/BTNMT.

- Thực hiện các biện pháp kiểm soát và giảm thiểu mùi hôi khó chịu hoặc gây ô nhiễm môi trường.

- Chủ cơ sở chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu để xảy ra việc phát thải khí thải không đạt tiêu chuẩn ra môi trường.

PHỤ LỤC 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-KCNĐN ngày tháng năm 2024 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Khu vực đúc đồng;
- Nguồn số 02: Khu vực kéo sợi;
- Nguồn số 03: Khu vực xoắn sợi cáp (trung hạ thế);
- Nguồn số 04: Khu vực xoắn sợi cáp cao thế;
- Nguồn số 05: Khu vực bọc nhựa cáp (trung hạ thế);
- Nguồn số 06: Khu vực bọc nhựa cáp (cáp cao thế);
- Nguồn số 07: Khu vực máy phát điện.

2. Vị trí, tọa độ phát sinh tiếng ồn, độ rung (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 107°45', múi chiếu 3°)

- Nguồn số 01: Tọa độ X = 1196580; Y= 408366;
- Nguồn số 02: Tọa độ X = 1196487; Y= 408331;
- Nguồn số 03: Tọa độ X = 1196429; Y= 408317;
- Nguồn số 04: Tọa độ X = 1196384; Y = 408319;
- Nguồn số 05: Tọa độ X = 1196379; Y= 408299;
- Nguồn số 06: Tọa độ X = 1196296; Y= 408296;
- Nguồn số 07: Tọa độ: X = 1196624; Y= 408336.

3. Tiếng ồn: phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, cụ thể như sau:

STT	QCVN 26:2010/BTNMT		QCVN 24:2016/BYT		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Thời gian tiếp xúc với tiếng ồn (giờ)	Giới hạn cho phép mức áp suất âm tương đương (L_{aeq}) - dBA		
1	70	55	8	85	-	Khu vực thông thường

4. Độ rung: phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	<i>Khu vực thông thường</i>

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị; thường xuyên kiểm tra và bôi trơn các chi tiết chuyển động của máy móc, sửa chữa các mối hở của thiết bị hoặc thay mới các máy móc bộ phận hoặc thiết bị hư hỏng để đảm bảo an toàn và giảm bớt tiếng ồn trong các khu vực sản xuất.

- Bố trí các máy móc thiết bị trong dây chuyền sản xuất một cách hợp lý, tránh trường hợp các máy gây ồn cao cùng hoạt động và trong cùng một khu vực sẽ gây cộng hưởng ồn, làm tăng độ ồn.

- Trang bị tai nghe chống ồn cho các công nhân làm việc tại các khu vực phát ra tiếng ồn lớn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục A Phụ lục này.

2.2. Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng (tra dầu, mỡ, vệ sinh, thay thế thiết bị hỏng...), đảm bảo các thiết bị, máy móc hoạt động ổn định và hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

PHỤ LỤC 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-KCNĐN ngày tháng năm 2024
của Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai)*

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Ký hiệu phân loại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Chất gắn khuôn thải có thành phần nguy hại	05 09 04	Rắn/lỏng	KS	300
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Rắn	NH	500
3	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn khác	17 02 04	Lỏng	NH	47.000
4	Các linh kiện, thiết bị điện tử thải	19 02 06	Rắn	NH	1.300
5	Bao bì mềm thải	18 01 01	Rắn	KS	1.000
6	Bao bì cứng thải bằng kim loại	18 01 02	Rắn	KS	5.500
7	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	KS	15.000
8	Pin ắc quy chì thải	19 06 05	Rắn	NH	500
9	Nước thải nhiễm dầu	05 05 04	Lỏng	KS	124.800
10	Xỉ và váng bọt từ quá trình nấu chảy kim loại màu có chứa các kim loại nặng	05 09 06	Rắn	KS	16.500
Tổng khối lượng chất thải dự kiến (kg/năm)					212.400

Ghi chú: Chủ cơ sở thực hiện phân định, phân loại chất thải phải kiểm soát theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Nguồn phát sinh	Mã phân loại	Ký hiệu phân loại	Trạng thái	Khối lượng (kg/năm)
1	Nhựa thải	18 01 07	TT-R	Rắn	400.000
2	Thép	11 04 04	TT-R	Rắn	30.000
3	Gỗ	11 02 02	TT-R	Rắn	150.000
4	Nhôm	11 04 03	TT-R	Rắn	32.000
5	Đồng	11 04 03	TT-R	Rắn	115.000
6	Sắt	11 04 04	TT-R	Rắn	50.000
7	Pallet gỗ	11 02 02	TT-R	Rắn	21.000
8	Motor đã qua sử dụng không dính thành phần nguy hại	11 04 03	TT-R	Rắn	10.000
9	Bùn từ bể tự hoại	12 06 13	TT	Bùn	3.200
Tổng khối lượng chất thải dự kiến (kg/năm)					811.200

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	96,72
Tổng khối lượng chất thải dự kiến (tấn/năm)		96,72

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, CTNH:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Đối với nước lẫn dầu làm mát: được lưu chứa vào các thùng IBC 1m³.
- Đối với chất thải nguy hại khác: được cho vào các thùng chứa chuyên dụng.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho lưu chứa: 48 m².
- Vị trí: Kho lưu trữ chất thải nguy hại của Nhà máy.
- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa trong nhà: Thiết kế có tường bao kín, đảm bảo che nắng, che mưa, tránh gió và nền bê tông đảm bảo không ngập lụt. Có gờ chống tràn để ngăn CTNH dạng lỏng nếu bị chảy tràn và đảm bảo không để rò rỉ, đổ tràn ra ngoài kho, có rãnh nước quanh khu vực lưu trữ. Có dán nhãn mã CTNH tương ứng đối với từng loại CTNH. Ngoài ra, kho CTNH còn được trang bị: thiết bị phòng cháy chữa cháy theo quy định, vật liệu hấp thụ (như cát khô) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn CTNH ở thể lỏng, biển dấu hiệu cảnh báo được treo ở bên ngoài kho.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 231,2 m².

- Vị trí: Khu vực lưu trữ chất thải của nhà máy.
- Kết cấu kho chứa: tường bao quanh, nền bê tông đảm bảo không ngập lụt, có trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Thiết bị lưu chứa: Toàn bộ chất thải sinh hoạt phát sinh được thu gom và lưu trữ vào các thùng chứa 20L và 240L bố trí tại các điểm phát sinh.
- Khu vực lưu chứa, tập kết: Khu vực lưu chứa tạm thời diện tích 20 m².
- Hằng ngày nhân viên thu gom rác của nhà máy thu gom toàn bộ rác thải sinh hoạt về các thùng chứa về khu vực lưu trữ chất thải của nhà máy.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu lưu giữ chất thải rắn, chất thải nguy hại

Thiết kế đúng quy cách khu lưu giữ chất thải và thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý toàn bộ các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động của cơ sở đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải.

2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất:

Hóa chất được lưu trữ riêng trong kho hóa chất có chống thấm, có gờ chống tràn, đồng thời trang bị thiết bị, dụng cụ ứng cứu sự cố hóa chất chuyên dụng sẵn sàng ứng cứu khi có sự cố đặt tại kho hóa chất và các vị trí sử dụng hóa chất. Những người làm việc với hóa chất phải được đào tạo, nắm rõ MSDS (Material Safety Data Sheets) của hóa chất và tuân thủ các quy định về an toàn trong vận chuyển, bốc dỡ hóa chất, bảo quản, lưu trữ, sử dụng và thải bỏ hóa chất.

3. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ:

Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất, đặc điểm của nhà máy, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về an toàn, phòng cháy và chữa cháy.

4. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Đầu tư mua sắm trang, thiết bị, vật tư và chuẩn bị lực lượng phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải tại cơ sở, thực hiện chế độ kiểm tra thường xuyên, áp dụng phương án, biện pháp quản lý, kỹ thuật nhằm loại trừ, giảm thiểu nguy cơ xảy ra sự cố.

PHỤ LỤC 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-KCNĐN ngày tháng năm 2024
của Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai)*

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

Không.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Thực hiện quan trắc nguồn thải, chế độ báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm và lưu giữ kết quả quan trắc môi trường theo đăng ký tại báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở và các quy định pháp luật hiện hành.

2. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường; công khai giấy phép môi trường; cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra.

3. Trồng và chăm sóc cây xanh đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh theo quy định nhằm tạo cảnh quan, cải thiện điều kiện vi khí hậu và giảm thiểu phát tán mùi hôi đối với hoạt động cơ sở.

4. Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở theo quy định.

5. Có kế hoạch tổ chức thực hiện về nhân lực, kinh phí, trang thiết bị, phương án đảm bảo phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường khi có sự cố xảy ra trong quá trình hoạt động của cơ sở; đáp ứng các yêu cầu về vệ sinh môi trường; có bộ phận chuyên môn đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường; thực hiện quy định pháp luật về an toàn phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động và các quy định pháp luật có liên quan khác trong quá trình hoạt động của cơ sở.

6. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở được duy trì, vận hành hiệu quả và chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.

7. Tuân thủ các yêu cầu về vệ sinh công nghiệp, an toàn lao động trong quá trình hoạt động của cơ sở theo các quy định của pháp luật hiện hành. Đồng thời tuân thủ thực hiện đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định pháp luật hiện hành.

8. Trong quá trình hoạt động nếu hoạt động của cơ sở có xảy ra sự cố môi trường, phải chủ động thực hiện mọi biện pháp xử lý, khắc phục và báo cáo kịp

thời đến Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành, Ủy ban nhân dân huyện Long Thành, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai và các cơ quan có liên quan. Chủ cơ sở chỉ được phép hoạt động lại sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

9. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn hóa chất, phòng chống cháy, nổ đối với cán bộ, công nhân viên làm việc cho cơ sở.

10. Tuân thủ đúng các quy định tại Luật Hóa chất và các quy định khác có liên quan đến hóa chất.

11. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

12. Thực hiện quản lý sử dụng đất, trình tự thủ tục xây dựng, PCCC theo quy định pháp luật hiện hành.

13. Trường hợp các quy chuẩn, tiêu chuẩn và quy định liên quan có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy chuẩn, quy định mới./.

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI